

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT

Ngày: 11/01/2019

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai

Các Thẩm phán:

1. Ông Trịnh Đắc Phú

2. Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 562/2018/TLPT-DS ngày 09/11/2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐ-PT ngày 02/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1943.

Địa chỉ: 14/5 Khu phố Q, phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: 09 đường 97, khu phố Q, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Minh G, sinh năm: 1963

Địa chỉ: 14/5A Khu phố Q, phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 09 đường 97, khu phố Q, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Bình P - Luật sư Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1960

Địa chỉ: 321 Đường E, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2018 và trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn bà Ngô Thị N có bà Phạm Minh G là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/5/2012, vợ chồng bà Lê Thị S và ông Huỳnh Văn T có vay của bà Ngô Thị N số tiền là 1.500.000.000 đồng nhưng do một mình bà Lê Thị S cam kết qua tét vào tháng 3 âm lịch 2013 (tháng 4 dương lịch năm 2013) bà S sẽ thanh toán cho bà N số tiền là 1.000.000.000 đồng và thanh toán hết số tiền còn lại 500.000.000 đồng cho bà N vào tháng 12 âm lịch 2013 (tháng 4 dương lịch năm 2014) theo Giấy biên nhận ngày 23/5/2012.

Mặc dù đã cam kết như trên nhưng bà S không thực hiện đúng cam kết, không thanh toán cho bà N bất cứ khoản tiền nào. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà S trả toàn bộ số tiền nêu trên nhưng bà S không trả. Vì vậy, bà N khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị S và ông Huỳnh Văn T phải trả lại cho bà N số tiền 1.500.000.000 đồng.

Theo Bản tự khai ghi ngày 27/9/2018, bị đơn bà Lê Thị S trình bày:

Vào khoảng năm 2012, bà có làm giấy mượn tiền của bà N số tiền là 1.500.000.000 đồng, thời hạn là 03 tháng. Nếu được vay bà hứa sẽ trả trước 1.000.000.000 đồng, số còn lại bà sẽ trả trong vòng 03 tháng. Tuy nhiên, trong quá trình bà làm giấy với bà N thì hai bên chưa thực hiện được, do sơ ý bà không lấy giấy đã làm với bà N. Đến nay, đã hơn 6 năm bà N làm đơn khởi kiện bà, do vậy bà mong Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết cho bà.

Tại bản án sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N:

Buộc bà Lê Thị S trả cho bà Ngô Thị N số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Ngô Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị S chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà S còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 57.000.000 đồng bà Lê Thị S phải chịu.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai số 0008989 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo bản án của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Thời hạn kháng cáo bản án của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân Quận X là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Ngày 18/10/2018, bị đơn bà Lê Thị S có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Ngô Thị N có bà Phạm Minh G đại diện yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thực tế chưa nhận số tiền 1.500.000.000 đồng của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N do bà Phạm Minh G đại diện, buộc bị đơn bà Lê Thị S phải trả cho bà N số tiền 1.500.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố Hồ Chí Minh, và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại giấy biên nhận ngày 23/5/2012 (bút lục 52) thì tiêu đề của giấy nêu trên đã ghi “Giấy biên nhận”. Đồng thời, nội dung của Giấy biên nhận này đã thể hiện rất rõ nội dung như sau: “...có mượn của chị Ngô Thị N số tiền là một tỷ rưỡi, tôi cam kết qua tháng 3 âm lịch tôi trả lại cho chị Nương một tỷ, số còn lại cuối tháng 12 âm lịch, tôi gởi tiếp số tiền là năm trăm triệu. Tôi cam kết sẽ thực hiện đúng”. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định đây là giấy xác nhận lại sự việc mượn tiền trước đó như lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Thị N do bà Phạm Minh G đại diện. Do đó, án sơ thẩm xử buộc bị đơn bà Lê Thị S phải trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị N số tiền là 1.500.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và đúng pháp luật nên giữ nguyên và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc bị đơn bà Lê Thị S phải theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N:

Buộc bà Lê Thị S trả cho bà Ngô Thị N số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Ngô Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị S chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà S còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: 57.000.000 đồng bà Lê Thị S phải chịu.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai số 0008989 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được cản trừ theo biên lai thu số 0015747 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu (T/16).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tuyết Mai